

Số: 236/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 29 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01, ngày 23/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã P2 (nay là xã P), huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/12/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày

11/5/2004; cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 27/11/2006 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 19/11/2021, cháu T2 và cháu T3 đều có nguyện vọng sống với mẹ); cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 11/8/2016 và cháu Nguyễn Minh K2, sinh ngày 11/8/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Phạm Thị L tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0003125, 0003126 vào ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, bà L còn được nhận lại số tiền 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ